

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHĨA ĐÀN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2024/HNGĐ – ST**  
Ngày 16/9/2024  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Anh Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Đức Tùng.

Bà Lê Thị Thúy Hằng

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2024/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2024/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị L** – sinh năm 2000. (Có mặt).

Địa chỉ: **Thôn T, xã M, huyện D, tỉnh Nghệ An.**

2. Bị đơn: Anh **Lê Tuấn B** – sinh năm 1986. (Vắng mặt).

Địa chỉ: **xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị **Đoàn Thị L** trình bày:*

Chị **Đoàn Thị L** và anh **Lê Tuấn B** có đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại **UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.** Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự

nguyên. Trong quá trình chung sống với nhau thì vợ chồng sống hạnh phúc được với nhau vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh **B** bị nghiện ngập không quan tâm đến vợ và gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh **B** dùng vũ lực đánh đập chị nhiều lần nên cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung và không có hạnh phúc và hai vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân nhau thì hai vợ chồng cũng không liên lạc, quan tâm gì đến nhau nữa và hiện nay chị **L** xét thấy không còn tình cảm với anh **B** nữa và yêu cầu được ly hôn với anh **B**.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh **Lê Tuấn B**: Quá trình nộp hồ sơ tại Tòa án, chị **L** đã gửi cho anh **B** đơn xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án cũng đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh **B** nhưng anh **B** vẫn cố tình không hợp tác, không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh **B** vẫn không có mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vắng mặt anh **B**.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, ban hành các quyết định đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã làm đúng trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các giấy tờ hợp lệ, làm thủ tục niêm yết công khai tại địa phương nhưng vẫn không chấp hành.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị **Đoàn Thị L** là được ly hôn với anh **Lê Tuấn B**. Về con cái: Vợ chồng chưa có con chung nên không xem xét. Về tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và đương sự có mặt tại phiên tòa.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

1. Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của chị **Đoàn Thị L.**

2. Về thủ tục tố tụng: Anh **Lê Tuấn B** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **B** theo quy định tại Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đoàn Thị L** và anh **Lê Tuấn B** có mối quan hệ hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi về chung sống hạnh phúc với nhau được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do anh **B** nghiện ngập hay đánh đập chị **L** không quan tâm gì đến vợ dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì hai bên cũng không liên lạc hỏi thăm và quan tâm gì đến nhau, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần phải chấp nhận yêu cầu của chị **Đoàn Thị L** là được ly hôn với anh **Lê Tuấn B**.

4. Về quan hệ con chung: Chị **L** và anh **B** chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết về con cái.

5. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Chị **L** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Chị **L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, điều 147, Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Đoàn Thị L** là được ly hôn với anh **Lê Tuấn B**.

2. Về con chung: Chị **L** và anh **B** chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.



4. Về án phí: Chị **Đoàn Thị L** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị **L** đã nộp đủ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền số 0012371 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h. Nghĩa Đàn;
- Chi cục THADS h. Nghĩa Đàn;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Hồng, h. Nghĩa Đàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Anh Xuân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thuý Hằng**

**Võ Đức Tùng**

**Lương Anh Xuân**